

Số: 190/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố Bến Tre, ngày 29 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE**

Căn cứ các Điều 212, 213, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 80, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số: 270/2024/TLST-HNGĐ ngày 02/7/2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của người yêu cầu:

- Ông **Phan Nhật D**, sinh năm 1988; nơi cư trú: **số A, đường N, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre**.

- Bà **Bùi Thanh T**, sinh năm 1988; nơi cư trú: **H đường N, phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Bà **Bùi Thanh T** và ông **Phan Nhật D** tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân Phường A (phường A cũ), thành phố B, tỉnh Bến Tre** vào năm 2013 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự ngày 19/7/2024, bà **Bùi Thanh T** và ông **Phan Nhật D** tự nguyện ly hôn với nhau là phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Bà **Bùi Thanh T** và ông **Phan Nhật D** trình bày có 01 con chung tên **Phan Nhật D1**, sinh ngày 07/02/2014, sau khi ly hôn, ông **D** trực tiếp nuôi con, bà **T** không cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Bà **Bùi Thanh T** và ông **Phan Nhật D** tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà **Bùi Thanh T** và ông **Phan Nhật D** cùng khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Xét thấy sự thỏa thuận của bà **Bùi Thanh T** và ông **Phan Nhật D** là sự tự nguyện, không vi phạm pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Bùi Thanh T** và ông **Phan Nhật D** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông **Phan Nhật D** trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên **Phan Nhật D1**, sinh ngày 07/02/2014. Bà **Bùi Thanh T** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà **Bùi Thanh T** được quyền tới thăm chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà **Bùi Thanh T** và ông **Phan Nhật D** tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Bà **Bùi Thanh T** và ông **Phan Nhật D** cùng khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí việc dân sự bà **Bùi Thanh T** và ông **Phan Nhật D** phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào tiền Lệ phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0002666 ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Vậy về lệ phí, bà **Bùi Thanh T** và ông **Phan Nhật D** đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND TP Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- UBND P. An Hội, Tp. Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN

Ngô Văn Trình